

PHÂN TÍCH CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG TRÀNG GIANG CỦA HUY CẬN

1. Dàn ý phân tích cái tôi trữ tình trong Tràng giang

a. Mở bài:

- Trước cách mạng, thơ Huy Cận chất chứa những nỗi buồn thế sự, mệnh mang của một cái tôi trữ tình bơ vơ, lạc lõng trước thời cuộc rối ren.
- Cái tôi trữ tình buồn bã, đầy ám ảnh không gian ấy hiện lên thật rõ ràng trong bài thơ Tràng giang.

b. Thân bài:

- Huy Cận (19192005), tên khai sinh là Cù Huy Cận, ông vừa là một chính khách có nhiều năm hoạt động trong bộ máy nhà nước đồng thời cũng là một nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới. Một số tác phẩm tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận phải kể đến như tập Lửa thiêng, Vũ trụ ca, Trời mỗi ngày lại sáng.
- Tràng giang trích trong tập Lửa thiêng, lấy cảm hứng cảnh mệnh mông sông nước của sông Hồng kết hợp với cái tôi trữ tình đầy sầu thương, đa cảm, chất thơ vừa cổ điển của thơ Đường lại xen lẫn hiện đại của văn học Pháp.
- Cái tôi trữ tình trong nhan đề và lời đề từ:
 - + Cái tôi mang đầy nỗi cô đơn lạc lõng, đó là tâm hồn của một con người nhỏ bé, một thanh niên trẻ tuổi nhưng đa sầu, đa cảm.
 - + Nhan đề "Tràng giang" gợi ra không gian rộng lớn, bao la của vũ trụ, mang đậm sắc thái cổ điển, càng tô đậm nên cái nỗi buồn của người thi sĩ, nỗi cô tịch, hoài tưởng về quá khứ với chiều sâu của mấy ngàn năm lịch sử huy hoàng.
 - + "Tràng giang" chỉ mọi con sông trên đất Việt, cũng là chỉ nỗi buồn chung của lớp những con người trước một thời đại rối ren, phức tạp.
 - + Lời đề từ mở ra cảm xúc chủ đạo của bài thơ viết về một không gian rộng lớn mang tầm vóc vũ trụ, thức dậy những cảm xúc băng khuâng, những nỗi nhớ vô định hình của một hồn thơ cô độc, lẻ loi giữa trời đất bao la, bát ngát, trước cái lạnh lẽo mà sông nước mang đến.
- Khổ thơ 1:
 - + Nỗi buồn của Huy Cận không dồn dập, mãnh liệt là trái lại êm đềm, gợn nhẹ như những cơn sóng nhỏ của tràng giang, có tính chất tuần hoàn "buồn điệp điệp".
 - + Hình ảnh thuyền nước là một thi liệu quen thuộc trong văn học cổ điển, thế nhưng trong thơ Huy Cận lại gợi ra nỗi buồn chia ly, tan tác "sầu trăm ngã".
 - + Hình ảnh củi khô là một hình ảnh hiện đại, mới mẻ ẩn dụ cho những kiếp người lạc lõng, không có sức nặng mặc cho dòng đời đẩy đưa một cách chán chường.
- Khổ thơ 2:
 - + Huy Cận tìm kiếm hơi ấm ở một điểm nhìn xa hơn, rộng hơn, nhưng cảnh những cồn cát "lơ thơ", những ngọn gió "điều hiu" lại càng làm cho tâm hồn thi nhân thêm se sắt, quạnh quẽ.
 - + Tiếng chợ chiều của làng xa càng tô đậm thêm cái không gian vắng vẻ, im lìm đến ám ảnh và nỗi cô đơn, lẻ loi của tác giả trước cảnh sông nước mệnh mông.
 - + "Nắng xuống, trời lên sâu chót vót/Sông dài, trời rộng, bến cô liêu" một lần nữa lại càng tô đậm cái không gian rộng lớn, nhấn mạnh cái sự xa cách của trời và đất, của sông và bến,

bằng những tiểu đối độc đáo và mới mẻ, dường như mọi vật trong vũ trụ đều trở nên xa cách nhau, chúng cũng lẻ bóng như chính cái tâm hồn đơn độc của nhân vật trữ tình.

- Khổ thơ 3:

+ Thi liệu quen thuộc "bèo" xuất hiện trong thơ Huy Cận lại mang một tầng nghĩa khác, chỉ những cuộc đời lênh đênh, vô định bỏ mặc cho dòng nước đẩy đưa, là sự buông xuôi chấp nhận của một loạt những con người đương thời.

+ Huy Cận càng thêm cô đơn, lạc lõng khi cố dãi mắt tìm kiếm một "chuyến đò ngang" mà không thấy, chỉ thấy không gian rộng lớn càng mở ra với "lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng".

- Khổ thơ 4:

+ Khung cảnh "mây cao đùn núi bạc" tiếp tục kéo dài, mở rộng thêm khoảng không vũ trụ rộng lớn, càng thu bé tâm hồn thi nhân, làm thi nhân càng trở nên bơ vơ, lạc lõng hơn.

+ Hình ảnh cánh chim nhỏ chính là tượng trưng cho tâm hồn thi sĩ, nhỏ bé, nghiêng cánh muốn tìm chốn nương về nhưng khôn nổi cả trời đất bao la nhưng chẳng thấy một nhánh cây dấu bóng chiều đã dần sa xuống.

+ Từ hoạt cảnh ấy, nỗi niềm nhớ quê hương tha thiết lại tràn về, ngập đầy trong tâm hồn thi sĩ, đó chính là nỗi buồn chung của cả một thế hệ, là nỗi buồn nước mất nhà tan, là niềm suy tưởng về một tổ quốc mấy ngàn năm văn hiến anh hùng nay bỗng trở thành đất nước nô lệ, chịu cảnh rối ren.

+ Thi nhân càng nghĩ lại càng thấy đau xót, chán chường, thấy muốn buông bỏ trong sự bất lực trước thời đại.

c. Kết bài:

- Cái tôi trữ tình trong bài thơ đó là một cái tôi thật lẻ loi, cô độc mang những nỗi sầu, những cảm giác bất lực, bế tắc trước những đớn đau của quê hương đất nước, mà một thi nhân với lòng yêu quê hương, đất nước sâu sắc như Huy Cận lại phải chịu cảnh bó tay, trơ mắt nhìn đất nước ngày càng tàn tạ, rối ren.

2. Cảm nhận về cái tôi trữ tình của Huy Cận

Trong thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, thiên nhiên rất đẹp, quyến rũ nhưng nó thường phủ bởi một nỗi buồn. Đất nước, thiên nhiên trong bài thơ Tràng giang cũng thấm sâu một nỗi buồn như thế. Bài thơ thể hiện tâm trạng của "cái tôi trữ tình" cô đơn, thấm đượm nỗi sầu nhân thế trước thiên nhiên mệnh mông, hiu quạnh và tấm lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận.

Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Bài thơ được trích từ tập "Lửa thiêng", được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bến Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mệnh mông sóng nước, lòng vơi vợi buồn, cảm cảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa dòng đời vô định. Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa đượm nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc.

Nhan đề và lời đề tựa đã thu tóm cảm xúc chủ đạo của cả bài thơ. Từ Hán Việt "Tràng giang" với vần "ang" tạo sự lan tỏa đến mọi khía cạnh của ko gian. Bài thơ mở đầu bằng cảnh sông nước mệnh mông vô tận.

Tứ thơ Tràng giang mang nét cổ điển như thơ xưa: Nhà thơ thường ẩn đằng sau cái mệnh mông sóng nước, không như các nhà thơ mới thường thể hiện cái tôi của mình. Nhưng nếu các thi nhân xưa tìm đến thiên nhiên để mong hòa nhập, giao cảm, Huy cận lại tìm về thiên

nhiên để thể hiện nỗi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la. Đó cũng là vẻ đẹp đầy sức quyến rũ của tác phẩm, ẩn chứa một tinh thần hiện đại.

Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách “thuyền về nước lại”, nghe sao đầy xót xa. Chính lẽ vì thế mà gọi nên trong lòng người nỗi “sầu trăm ngả”. Từ chỉ số nhiều “trăm” hô ứng cùng từ chỉ số “mấy” đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

Tâm hồn của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ nhất qua câu thơ đặc sắc: “Củi một cành khô lạc mấy dòng”. Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nỗi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la. “Một” gọi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, “cành khô” gọi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, “lạc” mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bênh trên “mấy dòng” nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông. Cành củi khô đó trôi dạt đi nơi nào, hình ảnh giản dị, không tô vẽ mà sao đầy rợn ngợp, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi.

Cái tôi trữ tình càng trở nên lạc lõng giữa dòng sông không một chuyến đò, xung quanh chỉ là những cánh bèo trôi dạt. Vừa có ý tả cảnh, nhưng đồng thời nhà thơ cũng như đang ví mình giống như cánh bèo kia: trôi nổi, vô định. Cảnh vật đã mang chút sắc màu tươi tốt: “bờ xanh”, “bãi vàng” nhưng cũng vẫn còn hoang sơ. Nỗi mong mỏi lớn nhất của Huy Cận lúc này đây là được giao cảm, chuyện trò nhưng không một ai “gợi chút niềm thân mật”. Cái tôi trữ tình trở nên cô đơn, lạc lõng. Từ đó, thi sĩ bày tỏ nỗi niềm thầm kín.

Huy Cận với một hồn thơ thường buồn, có lẽ đó là cái buồn cái suy tư bẩm sinh từ trong bụng mẹ, ông mang giọt lệ sầu ảm đạm, đậm ưu tư kết hợp với cái nỗi ám ảnh không gian sâu sắc để sáng tạo ra một thi phẩm xuất sắc như Tràng giang. Cái tôi trữ tình trong bài thơ đó là một cái tôi thật lẻ loi, cô độc mang những nỗi sầu, những cảm giác bất lực, bế tắc trước những đôn đau của quê hương đất nước, mà một thi nhân với lòng yêu quê hương, đất nước sâu sắc như Huy Cận lại phải chịu cảnh bó tay, trơ mắt nhìn đất nước ngày càng tàn tạ, rối ren.

3. Bình giảng về cái tôi trữ tình trong Tràng giang

Trong phong trào thơ mới và trong cả nền văn học Việt Nam hiện đại, Xuân Diệu và Huy Cận đều là hai nhà thơ lớn, những tên tuổi hàng đầu có những đóng góp to lớn cho nền văn học của nước nhà. Hai nhà thơ này lại chính là những người bạn thân thiết, đến độ tri âm, tri kỷ thế nhưng mỗi một nhà thơ lại có riêng cho mình một nỗi ám ảnh, một niềm suy tư riêng về cuộc đời. Nếu như Xuân Diệu suốt một đời thơ cứ mang một nỗi ám ảnh thời gian, thiết tha với một lòng nồng nàn yêu thương cuộc sống đầy rạo rức, cháy bỏng. Thì Huy Cận trong những năm trước cách mạng lại thường mang một nỗi ám ảnh không gian, với tâm hồn đa sầu, đa cảm, thơ của ông luôn chất chứa những nỗi buồn thế sự, mênh mang của một cái tôi trữ tình bơ vơ, lạc lõng trước thời cuộc rối ren. Và cái tôi trữ tình buồn bã, đầy ám ảnh không gian ấy hiện lên thật rõ ràng trong bài thơ Tràng giang, bài thơ đã đưa tên tuổi của Huy Cận vụt sáng thành một trong những gương mặt tiêu biểu của phong trào thơ mới giai đoạn 1932-1941.

Giữa khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, cánh chim bay giữa trời trong buổi chiều tà như bị nuốt chửng bởi không gian bao la đó. Dường như không gian càng rộng lớn lại càng khiến ông cảm thấy rợn ngợp bấy nhiêu.

Khát khao lớn nhất của cái tôi trữ tình giờ mới được bộc lộ: đó là niềm mong ước, khát khao trở về với quê hương. Bài thơ lúc này bỗng trở nên thấm đượm tình yêu đất nước.

Mang chất liệu cổ điển đến với thơ mới, Huy Cận đã đem đến cho người đọc một cảm giác vừa lạ vừa thân thuộc. Khác với cái tôi trữ tình của Xuân Diệu, cái tôi trữ tình của Huy Cận

chất chứa những nỗi buồn, nhớ nhung da diết về quê hương đất nước. Nó cho thấy một tình yêu quê hương âm ỉ trong trái tim của người thi sĩ tài năng này.

Bên cạnh tâm trạng hiện đại ấy là từ thơ cổ điển được gợi từ câu thơ: “Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai” của Thôi Hiệu. Xưa Thôi Hiệu cần vịn vào sóng để mà buồn, mà nhớ, còn Huy Cận thì buồn mà không cần ngoại cảnh, bởi từ nỗi buồn nó đã sâu sắc lắm rồi. Thế mới biết tấm lòng yêu quê hương thấm thiết đến nhường nào của nhà thơ hôm nay.

Cả bài thơ vừa mang nét đẹp cổ điển, vừa mang nét hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển được thể hiện qua lối thơ bảy chữ mang đậm phong vị Đường thi, qua cách dùng từ lấy nguyên, qua việc sử dụng các thi liệu cổ điển quen thuộc như: mây, sông, cánh chim... Và trên hết là cách vận dụng các câu thơ cổ điển, gợi cho bài thơ không khí cổ kính, trầm mặc của thơ Đường.

Chưa cần đi sâu vào đọc hiểu bài thơ, chúng ta cũng đã dễ dàng nhận thấy cái tôi trữ tình trong tác phẩm là một cái tôi mang đầy nỗi cô đơn lạc lõng, đó là tâm hồn của một con người nhỏ bé, một thanh niên trẻ tuổi nhưng đa sầu, đa cảm khi đối mặt với thiên nhiên rộng lớn, đối mặt với con sông Hồng mênh mông sóng nước, khung trời bao la, nhưng cảnh vật lại quá đối thừa thớt. Nhan đề "Tràng giang" với âm điệu vang vọng của điệp âm "ang", kéo dài và mở rộng ra cái không gian rộng lớn của dòng sông, đó là không gian vũ trụ bao la, và lạnh lẽo, cô quạnh trong tâm hồn tác giả. Hơn thế nữa cái tôi trữ tình của tác giả còn thể hiện ở cách dùng từ, nhan đề "Tràng giang" là một từ Hán Việt, mang sắc thái cổ điển, càng tô đậm nên cái nỗi buồn của người thi sĩ, nỗi cô tịch, hoài tưởng về quá khứ với chiều sâu của mấy ngàn năm lịch sử huy hoàng, dễ khiến độc giả liên tưởng đến nỗi buồn thời cuộc của các bậc trí thức đương thời. Huy Cận không chỉ đích danh con sông Hồng đã khơi nguồn cảm hứng, mà chỉ gọi là "Tràng giang" dường như chỉ chung tất cả những con sông chảy trôi trên mảnh đất hình chữ S. Và tương tự thì những nỗi niềm, những tâm tư của tác giả cũng chính là nỗi niềm chung của thế hệ thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ, đó là tâm trạng của những người con sống giữa quê hương, đất nước mến yêu, nhưng tâm hồn luôn cảm thấy lạc lõng, cô đơn, bởi một nỗi đau đớn bắt lực trước thời cuộc, trước nỗi đau nước mất nhà tan.

Tràng giang trích trong tập Lửa thiêng, lấy cảm hứng cảnh mênh mông sóng nước của sông Hồng kết hợp với cái tôi trữ tình đầy sầu thương, đa cảm, chất thơ vừa cổ điển của thơ Đường lại xen lẫn hiện đại của văn học Pháp, đã đánh dấu phong cách của nhà thơ trước một rừng các nhà thơ mới cùng thời. Đồng thời thể hiện được những nỗi lòng thầm kín của mình về cuộc đời, về kiếp người bơ vơ, lạc lõng giữa dòng đời như dòng nước mênh mang, qua đó thể hiện tấm lòng yêu quê hương đất nước âm thầm, sâu sắc.

4. Em hãy phân tích cái tôi trữ tình của Huy Cận

“Tràng Giang” là một ngọn lửa rực rỡ trong tập thơ “Lửa thiêng” - tập thơ đầu tay của Huy Cận. Bài thơ được sáng tác vào một buổi chiều tháng 9 năm 1939, một buổi chiều buồn khi ông đạp xe trên đê sông Hồng vào mùa nước lũ. Trước dòng sông hùng vĩ và hoang vắng mùa lũ, ông mở rộng lòng mình để tâm hồn trôi nổi theo dòng nước. Cái hữu hạn của con người được đặt vào không gian bao la, “Tràng Giang” hiện lên với một nỗi buồn man mác. Bài thơ thể hiện tâm trạng một “cái tôi trữ tình” sầu đượm, cô đơn trước thiên nhiên hùng vĩ cùng những triết lí sâu xa và lòng yêu nước thầm kín.

Nhìn vào bài thơ trước hết ta thấy ngay tựa đề “Tràng Giang” vô cùng nổi bật. “Tràng Giang” nghĩa là “sông dài”. Người ta từng đi tìm hiểu về con sông trong bài thơ này của Huy Cận nhưng rồi chợt nhận ra điều này là vô nghĩa. Huy Cận không nhắc về một con sông cụ thể nào. Nó có thể là con sông Hồng mùa nước lũ khi ông đi ngang qua và viết bài thơ, nhưng cũng có thể con sông này khởi nguồn từ xa hơn, là con sông quê ông như Ngàn Sâu, Ngàn Phố, Sông Lam, Sông La hay là cả sông Hương nữa. Những con sông luôn nằm trong tiềm

thức và luôn gắn bó với ông trong nỗi nhớ quê nhà. “Tràng Giang” không phải là tên sông, nó gọi lên cho người đọc một con sông u hoài trong kỉ niệm của riêng mình. Và đối với bài thơ, nó đúc kết một cách ngắn gọn nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của tác giả: Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài.

Hình ảnh cánh bèo trong văn học vốn gợi thân phận lênh đênh, trôi dạt của người phụ nữ. Còn đối với Huy Cận, cánh bèo nổi hàng không biết trôi về đâu chính là thân phận của kiếp người lênh đênh, phiêu dạt, của số phận nhân dân ta trong cảnh mất nước. Giữa cái không cùng của vũ trụ, mọi sự vật đều trở nên nhỏ bé, đơn độc đến đáng thương. Mong một chuyến đò đâu chỉ là chờ người ta qua sông, mà chuyến đò ấy còn mang đi biết bao nỗi niềm, tâm sự của nhân vật trữ tình. Vậy mà mệnh mông không một chuyến đò ngang, chỉ có những bờ xanh lặng lẽ nối tiếp với bãi vàng, trải dài đến vô tận. Trước khung cảnh hoang vắng, tĩnh mịch, nỗi cô đơn của con người càng sâu đậm hơn. Nhu cầu tìm hơi ấm tình người nhưng chỉ gặp phải sự hoang vu, lạnh lẽo của cảnh vật. Buồn lại càng buồn hơn.

Ông cô độc trong chính cuộc sống của mình, thiên nhiên bao trùm lên là một nỗi buồn không biết san sẻ cùng ai. Đây chính là một sự cảm nhận khác biệt của Huy Cận về thiên nhiên, tiêu biểu cho phong cách thơ ông trước cách mạng tháng Tám.

Hình ảnh những cánh bèo nổi trôi vô định trên dòng sông dường như khiến cho tâm hồn tác giả thêm buồn mênh mông. Huy Cận khát khao được yêu thương, được bao bọc nhưng thiên nhiên hờ hững, lòng người lạnh nhạt khiến chính nhà thơ rơi vào bế tắc.

Bức tranh thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp, những đám mây lớn đùn lên cao, cùng với ánh hoàng hôn tạo nên khung cảnh kì vĩ, tuyệt diệu. Nhưng ngọn núi bạc ấy cao bao nhiêu lại trở nên cô độc bấy nhiêu, cũng như nỗi buồn của người thi nhân giữa đất trời. Trong ánh hoàng hôn, trong khoảnh khắc của ngày sắp tàn, bóng chim nhỏ xuất hiện, như bị không gian nuốt chửng. Dấu chấm đặt giữa hai vế câu đem đến nhiều cách hiểu, là cánh chim nghiêng đi vì bóng chiều nặng trĩu, hay bóng chiều phải sa xuống trước cánh chim. Dù hiểu theo cách nào ta vẫn cảm nhận được đầy đủ sự cô đơn, lạc loài của cánh chim giữa vũ trụ bao la, rộng ngợp. Giữa khung cảnh ấy là nỗi buồn khắc khoải của kẻ tha hương.

Tâm sự nhớ nước, thương nhà thâm kín khiến cho chính bản thân tác giả rơi vào bế tắc và hoang mang. Người đọc tưởng tượng được khung cảnh "chiều sa" ở đây chơi với đến nỗi nề. Tâm sự và tình cảm không biết gửi gắm cùng ai, chỉ thấy buồn và sầu mênh mông.

Huy Cận với tấm lòng đa sầu đa cảm gửi gắm trong những vần thơ buồn khiến cho chính mình hụt hẫng, chơi vơi. Nỗi buồn đan tiếp nỗi buồn, hòa vào thiên nhiên đất trời dư vị cuộc sống buồn và nhạt.

“Tràng Giang” bằng âm điệu trầm buồn cùng cảm xúc tinh tế đã làm nổi bật lên “cái tôi trữ tình” với một trái tim cô đơn nhưng luôn đau đáu tình yêu với quê hương đất nước. Theo “Tràng Giang” ta không chỉ cảm thông với nỗi niềm của thi nhân mà còn quý trọng một tài hoa, một tâm hồn đáng trân trọng của Huy Cận.